TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số:01/2021/HNGĐ-ST
Ngày 12/01/2021
V/v " Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Trang
2. Ông Đinh Khắc Việt

- Thư ký phiên tòa: *Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc *" Tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2020/QĐXX- ST ngày 24 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn*: Anh Võ Văn M, sinh năm: 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Chí T, xã Tân T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: Chợ Trúc Q, ấp Long B, xã Khánh B, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

2/. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1975 (có đơn vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Chí T, xã Tân T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Võ Văn M trình bày:

Anh Võ Văn M và chị Nguyễn Thị Thanh T chung sống với nhau vào ngày 19 tháng 3 năm 1994, có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2018, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp vợ chồng thường xuyên cãi vã từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng.

Nay anh M xét thấy tình cảm chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng ly thân từ năm 2018 cho đến nay.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Thu T, sinh ngày 05/3/1995

và Võ Thương Em, sinh năm: 1996 hiện nay các con đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Không có.

- Về phần nợ: Vợ chồng không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa anh Võ Văn M yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh M yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T và yêu cầu Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng.

- Về con chung: Các con đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 24 tháng 12 năm 2020 chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Qua lời trình bày của anh M về năm chung sống vợ chồng không có đăng ký kết hôn, có 02 con chung, quá trình chung sống vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng là đúng.

Về nguyên nhân mâu thuẫn chị T cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay.

Tại Tòa án chị T cũng đồng ý ly hôn với anh Võ Văn M và yêu cầu Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng.

- Về con chung: Các con đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn không công nhận quan hệ hôn nhân. Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T cư trú tại: ấp Chí T, xã Tân T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thanh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Văn M và chị Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện xác lập mối quan hệ hôn nhân từ năm 1994 tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh chị không đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh chị đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Việc kết

hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức.

Theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị Quyết 35 ngày 09-6-2000 Quốc hội quy định: " *Kể từ ngày 01-01-2001 đến ngày 01-01-2003 trở đi, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết"*. Mặt khác căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định. "*Trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ"*. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con…thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét mâu thuẫn thực tế của vợ chồng anh M và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung hiện tại không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi lẽ, trong thời gian chung sống anh M và chị T luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mặc dù anh chị đã nhiều lần cố gắn nếu kéo nhưng không mang lại kết quả và anh chị đã ly thân từ năm 2018 cho đến năm nay. Đồng thời hôn nhân của anh chị có vi phạm về mặt hình thức, nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh M và chị T.

[4] Về con chung: Anh M, chị T xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thu T, sinh ngày 05/3/1995 và Võ Thương E, sinh năm: 1996 các con đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Võ Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4, Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 271, và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53; Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Văn M.

2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Võ Văn M và chị Nguyễn Thị Thanh T.

3. Về con chung: Các con đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Võ Văn M phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo lai thu số: 0008112 ngày 20/11/2020 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

6. Quyền kháng cáo: Anh Võ Văn M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND xã Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Vũ